

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 295/2024/DS-ST
Ngày 12-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Lệ Chi
- Bà Bùi Thị Thuý Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2024/TLST-DS ngày 01/4/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 368/2024/QĐXXST-DS ngày 30/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: 5 đường X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Tô Thị T1; địa chỉ: E đường Đ, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/02/2024). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T2, sinh năm: 1981; địa chỉ: 5, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Bùi Văn T và người đại diện hợp pháp trình bày:

Do có quen biết nên ông Bùi Văn T có cho ông Nguyễn Anh T2 vay số tiền 300.000.000 đồng để làm ăn. Hai bên ký kết Hợp đồng vay tiền ngày 20/4/2020 với nội dung như sau: Số tiền vay 300.000.000 đồng; Kỳ hạn vay là 03 tháng từ ngày 20/4/2020 đến hết ngày 19/7/2020 và thoả thuận không lãi suất. Ông T đã giao đủ số tiền vay cho

ông T2 nên trên Hợp đồng vay tiền này, ông T2 cũng đã ký tên, điểm chỉ và xác nhận về việc đã nhận đầy đủ số tiền 300.000.000 đồng từ ông T.

Ngày 23/4/2020, ông T và ông T2 tiến hành ký thêm Hợp đồng mượn tiền tại Văn phòng C tại địa chỉ số H, đường N, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương với nội dung số tiền vay 300.000.000 đồng, kỳ hạn vay là 03 tháng từ ngày 23/4/2020 đến hết ngày 23/7/2020 và thoả thuận không lãi suất. Tuy nhiên, hai hợp đồng này thực tế đều để đảm bảo cho việc vay tiền giữa ông T và ông T2.

Đến nay ông T2 vẫn không trả số tiền đã vay nên ông T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông T2 phải trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng vay tiền ngày 20/4/2020 và Hợp đồng mượn tiền ngày 23/4/2020.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Anh T2*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án bằng hình thức niêm yết công khai và yêu cầu có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh T2 nhưng ông T2 không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Vào ngày 22/05/2024 và ngày 25/7/2024, Tòa án triệu tập ông T2 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng ông T2 vắng mặt không có lý do. Đồng thời, ông T2 cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là hợp lệ.

Về nội dung vụ án, xét thấy nguyên đơn và bị đơn có quan hệ hợp đồng vay tiền theo các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong quá trình tố tụng: Hợp đồng vay tiền ngày 20/4/2020 và Hợp đồng mượn tiền ngày 23/4/2020. Bị đơn chưa trả nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Anh T2 đã được tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 19/8/2024 và ngày 12/9/2024 nhưng ông T2 vắng mặt hai lần liên tiếp không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ vay tiền giữa ông Bùi Văn T với ông Nguyễn Anh T2, theo lời khai của ông T và các chứng cứ do ông T cung cấp trong quá trình tố tụng thể hiện: Tổng số tiền vay là 300.000.000 đồng, được thể hiện bằng các Hợp đồng vay tiền ngày 20/4/2020 và Hợp đồng mượn tiền ngày 23/4/2020. Cả 02 hợp đồng vay đều thể hiện nội dung ông Nguyễn Anh T2 vay tiền của ông Bùi Văn T và có chữ ký của bên vay là

ông Nguyễn Anh T2. Hơn nữa, tại Hợp đồng vay tiền ngày 20/4/2020, ông T2 có ghi xác nhận về việc đã nhận đầy đủ số tiền 300.000.000 đồng từ ông T. Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ nêu trên và lời khai của đại diện nguyên đơn có cơ sở xác định ông T có cho ông T2 vay số tiền là 300.000.000 đồng.

[3] Theo Hợp đồng vay tiền ngày 20/4/2020, thời hạn vay tiền là 03 tháng từ ngày 20/4/2020 đến hết ngày 19/7/2020 và Hợp đồng mượn tiền ngày 23/4/2020 thời hạn vay tiền là 03 tháng từ ngày 23/4/2020 đến hết ngày 23/7/2020, cả hai hợp đồng đều thoả thuận không có lãi. Nguyên đơn xác định thực tế cả hai hợp đồng đều để đảm bảo cho khoản vay 300.000.000 đồng giữa ông T và ông T2. Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn ông T2 không có ý kiến hay cung cấp tài liệu chứng cứ để phản bác phần trình bày cũng như chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T. Vì vậy, khoản vay này được xác định là khoản vay có thời hạn và không có lãi. Theo quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Ông T xác định từ khi vay đến nay ông T2 chưa trả cho bà khoản tiền nào, kể cả tiền gốc và tiền lãi. Bị đơn ông T2 không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Vì vậy, nay ông T khởi kiện đòi ông T2 trả lại số tiền 300.000.000 đồng mà ông đã đưa cho ông T2 vay là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Quá trình tố tụng, ông T xác định chỉ yêu cầu ông T2 trả nợ gốc, không yêu cầu trả lãi. Đây là ý chí tự nguyện của ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Anh T2 phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên tổng số tiền phải trả cho ông Bùi Văn T theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 92, 144, 147, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T đối với ông Nguyễn Anh T2.

Buộc ông Nguyễn Anh T2 phải trả cho ông Bùi Văn T số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Anh T2 phải chịu 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Trả lại cho ông Bùi Văn T 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004597 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS TP. Dĩ An (01);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Thanh